TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 615/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11- 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa
2. Ông Nguyễn Văn Tiên

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Châu Linh là thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông báo số 54/TB-TA ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc mở lại phiên toà xét xử, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Q** – sinh năm: 1994
Nơi thường trú và cư trú hiện nay: tổ 5, khu phố 5, phường TX, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Ông **Lê Xuân A** – sinh năm: 1982
Nơi thường trú: ĐB, phường T, Quận TL, thành phố Hà Nội.
Nơi cư trú hiện nay: Phòng 12, tổ 6, khu phố C, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đinh Thị Q trình bày:

Bà Đinh Thị Q và ông Lê Xuân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158, ngày 26 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do công việc của ông A không ổn định, ông A ham mê cờ bạc, không phụ giúp kinh tế gia đình và mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng ông A vẫn không sửa chữa, thay đổi làm cho tình cảm vợ chồng không còn; hiện vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Xuân A.

Về con chung: Bà Q ông A có một con chung tên là Lê M, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2019, sức khoẻ bình thường và đang ở với bà Q. Khi ly hôn bà Q mong muốn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Q có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, theo đơn xét xử vắng mặt bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông A và yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ngoài ra bà Q không có yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn ông Lê Xuân A*: Đã được Tòa án nhân dân Quận 12 triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên không chấp hành theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Q, cho bà Q được ly hôn ông Lê Xuân A, giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm A giải quyết vụ án:*

Bà Đinh Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà Q với ông Lê Xuân A và giải quyết con chung, đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Xuân A có nơi cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm A giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:*

Nguyên đơn bà Đinh Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Xuân A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; thông báo dời thời gian xét xử và thông báo mở lại phiên toà xét xử nhưng ông A đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ xác nhận hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do tại Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đinh Thị Q và ông Lê Xuân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và ngày 26 tháng 9 năm 2018 được Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông A là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét việc bà Q yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Xuân A, Hội đồng xét xử thấy rằng để xây dựng hạnh phúc gia đình, hôn nhân bền vững thì vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau nhưng theo trình bày của bà Q thì vợ chồng bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và mặc dù được gia đình hai bên hoà giải, động viên nhưng không có kết quả gì, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Qua

xác minh tình trạng hôn nhân của bà Q, ông A, Hội Liên hiệp phụ nữ phường T, Quận 12 cung cấp thông tin như sau: "…Vợ chồng bà Q, ông A mâu thuẫn không hàn gắn được…" Còn đối với ông A, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ghi nhận ý kiến và hòa giải nhưng ông A đều vắng mặt và cũng không có văn bản mong muốn hàn gắn tình cảm, duy trì hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng bà Q và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu Tòa án có duy trì, bảo vệ chắc chắn cũng không mang lại kết quả gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung:* Bà Q và ông A có một con chung tên là Lê M, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2019; bà Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Minh. Xét hiện nay cháu M dưới 36 tháng tuổi mà theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi…" và qua kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Thạnh Lộc, Quận 12 cho biết: "Bà Q đủ điều kiện nuôi con, hiện cháu M đang ở với bà Q". Như vậy, Hội đồng xét xử xét giao cháu Lê M cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Q không yêu cầu, ông A vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] *Về án phí*: Bà Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 14, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Q được ly hôn với ông Lê Xuân A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 158, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị Q và ông Lê Xuân A có một con chung tên là Lê M, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2019.

Giao con chung tên là Lê M, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2019 cho bà Đinh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Lê M thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có A, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có A yêu cầu Tòa án hạn chế A thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có A yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0105916 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về A yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có A thoả thuận thi hành án, A yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về A kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được A kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có A kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thùy Trang